TRƯỜNG THCS PHÚ THỊ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN ĐỊA LÍ 8

Năm học: 2018 – 2019

ĐỀ SỐ 1 Thời gian: 45 phút

**I. Trắc nghiệm: ( 4đ )**

**Chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Các quốc gia Châu Á được phân thành mấy mức thu nhập?

A. 3 mức B. 4 mức

C. 5 mức D. 6 mức

**Câu 2.** Những nước ở Châu Á có ngành dịch vụ phát triển cao là:

A. Nhật Bản, Xin-ga-po, Thái Lan B. Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc

C. Xin-ga-po, Hàn Quốc, Cô – oét D. Nhật Bản, Xin-ga-po, Hàn Quốc

**Câu 3.** Ngành kinh tế quan trọng nhất của các nước Tây Nam Á là:

A. trồng trọt. B. chăn nuôi gia súc

C. khai thác chế biến dầu mỏ D. đánh bắt hải sản

**Câu 4.** Dạng địa hình phổ biến ở khu vực Tây Nam Á:

A. đồng bằng thấp B. đồng bằng cao

C. đồi và thung lũng D. núi và sơn nguyên

**Câu 5.** Ngành kinh tế có tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP của Ấn Độ là:

A. nông – lâm – thủy sản B. công nghiệp

C. dịch vụ D. xây dựng

**Câu 6.** Phía Đông của khu vực Đông Á thuộc kiểu khí hậu:

A. Khí hậu lục địa B. Khí hậu gió mùa

C. Khí hậu Địa Trung Hải D. Khí hậu núi cao

**Câu 7.** Quốc gia rộng lớn và đông dân nhất khu vực Nam Á là:

A. Băng - la - đét B. Ấn Độ C. Pa - kít - xtan D. Xri - lan - ca

**Câu 8.** Cuộc cách mạng Xanh và cách mạng Trắng ở Ấn Độ lần lượt diễn ra trong các ngành kinh tế:

A. trồng trọt và du lịch. B. trồng trọt và khai thác.

C. chăn nuôi và công nghiệp. D. chăn nuôi và trồng trọt.

**II. Tự luận: ( 6đ )**

**Câu 1. ( 2đ )** Nêu những điểm khác nhau về địa hình giữa phần đất liền và phần hải đảo của khu vực Đông Á?

**Câu 2. ( 2đ )** Nhận xét về đặc điểm dân cư của khu vực Nam Á?

**Câu 3. ( 2đ )** Cho bảng số liệu:

**Xuất, nhập khẩu của một số quốc gia Đông Á năm 2001 ( tỉ USD)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | Nhật Bản | Trung Quốc | Hàn Quốc |
| Xuất khẩu | 403,50 | 266,620 | 150,44 |
| Nhập khẩu | 349,09 | 243,520 | 141,10 |
|  |

a, Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện tình hình xuất, nhập khẩu của một số nước Đông Á.

b, Nhận xét.

TRƯỜNG THCS PHÚ THỊ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN ĐỊA LÍ 8

Năm học: 2018 – 2019

ĐỀ SỐ 2 Thời gian: 45 phút

**I. Trắc nghiệm: ( 4đ )**

**Chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Các nước xuất khẩu gạo đứng đầu Châu Á và Thế giới là:

A. Trung Quốc, Ấn Độ B. Thái Lan, Việt Nam

C. Nhật Bản, Hàn Quốc D. Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a

**Câu 2.** Những nước có thu nhập bình quân đầu người cao:

A. Nhật Bản, Cô-oét B. Nhật Bản, Cô-oét, Hàn Quốc

C. Nhật Bản, Cô-oét, Ma-lai-xi-a D. Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc

**Câu 3.** Tây Nam Á có nguồn tài nguyên quan trọng nhất là:

A. Vàng, đồng B. Sắt, mangan

C. Khí đốt, Uranium D. Dầu mỏ

**Câu 4.** Dân cư Tây Nam Á chủ yếu là người A- rập theo đạo:

A. Đạo Hồi B. Đạo Thiên chúa giáo

C. Đạo Phật D. Đạo Hồi và Thiên chúa giáo

**Câu 5.** Phần lớn diện tích Nam Á có khí hậu:

A. Nhiệt đới khô B. Cận nhiệt đới gió mùa

C. Nhiệt đới gió mùa D. Xích đạo

**Câu 6.** Phần đất liền của khu vực Đông Á gồm:

A. Trung Quốc và Nhật Bản B. Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên

C. Bán đảo Triều Tiên và đảo Đài Loan D. Bán đảo Triều Tiên và đảo Hải Nam

**Câu 7.** Gió mùa mùa đông thổi vào khu vực Đông Á theo hướng:

A. Bắc B. Tây Bắc. C. Đông Bắc. D. Tây Nam.

**Câu 8.** Những ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất của Nhật Bản là:

A. cơ khí điện gia dụng, chế tạo Robot B. chế biến lương thực thực phẩm

C. khai thác D. dệt may

**II. Tự luận: ( 6đ )**

**Câu 1. ( 2đ )** Trình bày đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của các nước và lãnh thổ Châu Á hiện nay?

**Câu 2. ( 2đ )** Nam Á có mấy miền địa hình? Nêu đặc điểm mỗi miền địa hình?

**Câu 3. ( 2đ )** Cho bảng số liệu:

**Xuất, nhập khẩu của một số quốc gia Đông Á năm 2001 ( tỉ USD)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | Nhật Bản | Trung Quốc | Hàn Quốc |
| Xuất khẩu | 403,50 | 266,620 | 150,44 |
| Nhập khẩu | 349,09 | 243,520 | 141,10 |
|  |

a, Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện tình hình xuất, nhập khẩu của một số nước Đông Á.

b, Nhận xét.

Ma trận kiểm tra: ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN ĐỊA LÍ 8

NĂM HỌC 2018-2019

Đề 1

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung kiến thức | Biết | | Hiểu | | Vận dụng | | Điểm |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |  |
| Kinh tế xã hội các nước Châu Á | 1 |  |  |  |  |  | 1 |
| Khu vực Tây Nam Á | 0,5 |  | 0,5 |  |  |  | 1 |
| Khu vực  Nam Á | 1 | 2 | 0,5 |  |  |  | 3,5 |
| Khu vực Đông Á | 0,5 |  |  | 2 |  | 2 | 4,5 |
| Tổng số | 5 | | 3 | | 2 | | 10 |

Ma trận kiểm tra: ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN ĐỊA LÍ 8

Đề 2

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung kiến thức | Biết | | Hiểu | | Vận dụng | | Điểm |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |  |
| Kinh tế xã hội các nước Châu Á | 1 | 2 |  |  |  |  | 3 |
| Khu vực Tây Nam Á | 1 |  |  |  |  |  | 1 |
| Khu vực  Nam Á | 0,5 |  |  | 2 |  |  | 2,5 |
| Khu vực Đông Á | 0,5 |  | 1 |  |  | 2 | 3,5 |
| Tổng số | 5 | | 3 | | 2 | | 10 |

Đáp án và biểu điểm: ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN ĐỊA LÍ 8

Đề 1

I. Trắc nghiệm: ( 4đ )

Mỗi ý đúng 0,5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | B | D | C | D | C | B | B | C |

II. Tự luận: ( 6đ )

Câu 1: ( 2đ ) Những điểm khác nhau về địa hình giữa phần đất liền và phần hải đảo của khu vực Đông Á:

- Phần đất liền:

+ Phía tây: núi, sơn nguyên cao, hiểm trở và các bồn địa rộng phân bố ở phía tây Trung Quốc; nhiều núi có băng hà bao phủ quanh năm.

+ Phía đông: đồi, núi thấp xen kẽ các đồng bằng rộng và bằng phẳng; phân bó ở phía đông Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên.

- Phần hải đảo: nằm trong vành đai lửa Thái Bình Dương, là miền núi trẻ, thường xuyên có động đất, núi lửa.

Câu 2: ( 2đ ) Đặc điểm dân cư của Nam Á:

- Dân cư phân bố không đồng đều.

- Dân số đông thứ 2 châu Á.

- Mật độ dân số cao nhất châu Á.

- Có nhiều tôn giáo và tôn giáo ảnh hưởng lớn đến kinh tế-xã hội của các quốc gia.

Câu 3: ( 2đ )

- Vẽ đúng biểu đồ: 1,5 điểm.

- Nhận xét: 0,5 điểm

**Đáp án và biểu điểm: Đề 2**

I. Trắc nghiệm: ( 4đ )

Mỗi ý đúng 0,5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | B | B | D | A | C | B | B | A |

II. Tự luận: ( 6đ )

Câu 1: ( 2đ ) Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của các nước và lãnh thổ Châu Á hiện nay:

Trình độ phát triển giữa các nước và vùng lãnh thổ rất khác nhau:

- Nhật Bản là nước phát triển cao nhất Châu Á, có nền KT - XH phát triển toàn diện.

- Một só nước và vùng lãnh thổ có mức độ công nghiệp hóa khá cao và nhanh: Xin-ga-po, Hàn Quốc,..

- Một số nước đang phát triển có tốc độ công nghiệp hóa nhanh, nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng, dịch vụ phát triển, tốc độ tăng trưởng KT khá cao: Trung Quốc, Ấn Độ,..

- Một số số nước đang phát triển, nền kinh té chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp: Mi-an-ma, lào,…

- Một số nước giàu nhưng phát triển KT-XH chưa cao; nguồn dầu khí phong phú, được các nước khác đầu tư khai thác.

Câu 2: ( 2đ )

Nam Á có ba miền địa hình khác nhau:

- Phía bắc: Hệ thống núi Hi-ma-lay-a cao đồ sộ chạy theo hướng tây bắc – đông nam, dài gần 2600km.

- Ở giữa: đồng bằng Ấn – Hằng rộng và bằng phẳng. chạy từ bở biển A-rap đến bờ vịnh Ben-gan.

- Phía nam: sơn nguyên Đê-can tương đối thấp và bằng phẳng với hai rìa Gát Tây và Gát Đông.

Câu 3: ( 2đ )

- Vẽ đúng biểu đồ: 1,5 điểm.

- Nhận xét: 0,5 điểm